TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HS-ST
Ngày 12-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Sâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Bẩy

2. Ông Nguyễn Xuân Đồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày, 27/6/2023, 12/7/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2023/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2023/HSST-QĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Thị M**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày: 26/9/1995 tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Phượng Khê, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; chức vụ, Đảng, đoàn thể: Không; con ông Trịnh Văn Phúc (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mến, sinh năm 1963; gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là thứ tư; bị cáo có chồng là Đoàn Tăng V, sinh năm 1996; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú", hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Đoàn Tăng V, sinh năm 1996 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1972 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Chị Đoàn Thị Tr, sinh năm 1993 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thông Phượng Khê, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Ninh Thị H, sinh năm 1998 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Cống, xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Trần Thị Hải L, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khối 4, phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

***Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Ngọc Ph, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú Bòng, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang.

- Anh Đỗ Quý A, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP Quang Trung, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/6/2001 hộ ông Đoàn Tăng T (vợ là Đỗ Thị Th), trú tại thôn Phượng Khê, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được Uỷ ban nhân dân huyện Lục Ngạn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD) số seri S716139, diện tích 350m^2 ở thôn Phượng Khê, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Năm 2011 ông Tạnh chết. Khoảng tháng 9/2022, bà Thêu nói với con trai là Đoàn Tăng V và con dâu là Trịnh Thị M (là vợ của Vũ) là sẽ sang tên GCNQSD đất cho vợ chồng Vũ, để khi nào cần thì thế chấp ngân hàng vay vốn. Anh Vũ đang đi làm ăn xa và thấy việc tự làm thủ tục sang tên GCNQSD đất phức tạp và mất nhiều thời gian nên anh Vũ đã vào mạng xã hội facebook lấy số điện thoại của anh Đinh Văn Tuệ, sinh năm 1990, là Luật sư của Công ty TNHH Luật Hiệp Thành, địa chỉ trụ sở ở đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đưa cho M để M liên hệ làm thủ tục sang tên GCNQSD đất. Sau đó M liên hệ với anh Tuệ thì được anh Tuệ giới thiệu đến gặp chị Ninh Thị H, là chuyên viên pháp lý thuộc Văn phòng Luật sư Hiệp Thành ở tổ dân phố Trần Hưng Đạo, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. M liên lạc

với chị Hiểu để nhờ chị Hiểu làm thủ tục sang tên GCNQSD đất nêu trên. Chị Hiểu yêu cầu M chuẩn bị các giấy tờ để làm thủ tục và đặt cọc trước 8.500.000 đồng. Quá trình làm thủ tục, M không cung cấp được đủ các giấy tờ như yêu cầu của chị Hiểu nên chị Hiểu trả lại tiền cùng giấy tờ cho M. Khoảng tháng 10/2022, sau khi chị Hiểu trả lại hồ sơ, M vào trang mạng xã hội facebook để tìm hiểu về việc làm GCNQSD đất giả thì được một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ nhận làm nhanh với giá 12.000.000 đồng. M nói với người làm giả là GCNQSD đất hiện tại mang tên bố chồng là ông Đoàn Tăng T, M muốn làm GCNQSD đất mang tên Đoàn Tăng V. Người này yêu cầu M cung cấp các giấy tờ gồm GCNQSD đất, giấy chứng tử của ông Tạnh, giấy khai sinh của anh Vũ, giấy xác nhận thành viên hộ gia đình, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Thêu, giấy chứng minh phô tô của anh Vũ, bà Thêu và chị Đoàn Thị Tr (là chị gái của anh Vũ), đồng thời yêu cầu M đặt cọc trước 8.500.000 đồng. Sau đó người này bảo M kết bạn qua zalo và hẹn gặp M ở quảng trưởng thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang để giao nhận giấy tờ và tiền đặt cọc. Khi M kết bạn qua zalo với người này thì thấy hiện zalo mang tên Hoàng Thị Linh, hình đại diện là một phụ nữ có để biển tên Luật sư Trần Thị Hải L, M đã tải ảnh đại diện người phụ nữ này và lưu trong điện thoại di động của mình, còn thực tế M không biết người phụ nữ này tên là gì, ở đâu. Khoảng 2 đến 3 ngày sau, theo lời hẹn, M đến quảng trường thị trấn Chũ gặp người phụ nữ này, M giao cho người phụ nữ toàn bộ giấy tờ và số tiền 8.500.000 đồng theo yêu cầu. Sau đó người phụ nữ lại yêu cầu M giao GCNQSD đất bản gốc, M đã chuyển GCNQSD đất bản gốc qua xe bus cho người phụ nữ. Khoảng 20 ngày sau thì người phụ nữ tiếp tục nhắn tin qua zalo bảo M chuẩn bị số tiền còn lại và hẹn ra quảng trường thị trấn Chũ lấy GCNQSD đất giả. M đã đến quảng trường thị trấn Chũ gặp người phụ nữ và đưa nốt số tiền 3.500.000 đồng rồi nhận GCNQSD đất giả có số seri S716139 mang tên hộ ông Đoàn Tăng V rồi đi về nhà.

Sau khi nhận được GCNQSD đất giả, M thông báo cho anh Đoàn Tăng V biết đã làm xong GCNQSD nhưng không nói cho anh Vũ biết đó là GCNQSD đất giả. Khoảng 2-3 ngày sau, anh Vũ nhờ ông Nguyễn Ngọc Ph là tổ trưởng tổ vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Lục Ngạn – Bắc Giang II (Ngân hàng Agribank) để vay vốn Ngân hàng với số tiền 150.000.000 đồng. Vợ chồng M đã chuẩn bị hồ sơ vay vốn gồm giấy GCNQSD đất giả và một số giấy tờ khác đưa cho ông Phương. Sau đó ông Phương đưa hồ sơ vay vốn của vợ chồng M cho cán bộ Ngân hàng Agribank là anh Đỗ Quý A. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, thấy một số thủ tục chưa đảm bảo nên anh Quý Anh yêu cầu anh Vũ và M đến Ngân hàng để trao đổi thêm. Ngày 08/12/2022, Vũ và M đến gặp anh Quý Anh tại Ngân hàng Agribank ở xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Do nghi ngờ GCNQSD đất mang tên hộ ông Đoàn Tăng V là giả nên anh Quý Anh yêu cầu anh Vũ và M đến UBND xã Phượng Sơn xin xác nhận tình trạng thửa đất, nếu đủ điều kiện thì được vay vốn. Anh Vũ và M đã mang GCNQSD đất nêu trên đến UBND

xã Phượng Sơn để xin xác nhận tình trạng thửa đất. Sau khi cán bộ UBND xã Phượng Sơn xem giấy GCNQSD đất nêu trên do nghi ngờ là giả nên đã lập biên bản, giữ lại GCNQSD đất và trình báo Công an huyện Lục Ngạn. Đồng thời giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn 01 GCNQSD đất số seri S716139 mang tên hộ ông Đoàn Tăng V, 01 GCNQSD đất số seri S716139 mang tên hộ ông Đoàn Tăng T, Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong theo quy định.

Ngày 08/12/2022, Trịnh Thị M giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động Realme màu xanh, lắp 02 sim số điện thoại gồm 0942.837.505 và 0835.775.235. Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại Realme của Trịnh Thị M và điện thoại di động Iphone 7 plus của anh Đoàn Tăng V. Kết quả kiểm tra không có nội dung nào liên quan đến việc làm giả GCNQSD đất. Trịnh Thị M khai đã xóa các tin nhắn qua zalo, facebook liên quan đến việc làm giả GCNQSD đất.

Cùng ngày 08/12/2022, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của M. Kết quả khám xét thu giữ: 01 bản sao y chứng minh dân dân (viết tắt là CMND) mang tên Đoàn Thị Tr; 01 bản phô tô CMND mang tên Lê Minh Hằng; 01 bản phô tô CMND mang tên Trịnh Thị M; 01 bản sao y CMND mang tên Đỗ Thị Th; 01 bản sao y căn cước công dân mang tên Đoàn Tăng V; 01 bản sao y sổ hộ khẩu Đỗ Thị Th; 01 bản sao y giấy khai sinh Đoàn Tăng V; 01 bản sao y giấy khai sinh Đoàn Thị Tr; 01 bản gốc trích lục khai tử Đoàn Tăng Lão; 01 bản gốc trích lục khai tử Đoàn Tăng Khì; 01 bản gốc trích lục khai tử Đoàn Tăng T; 01 bản sao y GCNQSD đất mang tên hộ Đoàn Tăng T; đơn xác nhận các thành viên trong hộ gia đình; giấy hướng dẫn chuẩn bị tài liệu. M khai các giấy tờ tài liệu này là hồ sơ sang tên GCNQSD đất do chị Ninh Thị H trả lại cho M.

Ngày 27/12/2022, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định đối với "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" mang tên Đoàn Tăng V. Tại Kết luận giám định số 60 ngày 10/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn T. Bắc Giang", hình dấu chức danh có nội dung "La Văn Nam" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với các hình dấu có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M2, M3) là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên La Văn Nam dưới mục "Chủ tịch UBND" trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký của La Văn Nam trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1) là không phải do cùng một người ký ra.

Ngày 17/3/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung đối với Phôi GCNQSD đất mang tên hộ ông Đoàn Tăng V. Tại Kết luận giám

định số 486 ngày 22/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Phôi "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S176139 mang tên Đoàn Tăng V là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu".

Ngày 09/12/2022, Trịnh Thị M đã giao nộp cho Cơ quan điều tra ảnh đại diện zalo của người phụ nữ làm giả GCNQSD đất cho M mà M khai tên zalo là Hoàng Thị Linh, có biển tên là Luật sư Trần Thị Hải L. Ngày 08/02/2023, Cơ quan điều tra có Công văn đề nghị Liên đoàn Luật sư Việt Nam cung cấp thông tin về Luật sư tên Hoàng Thị Linh và Trần Thị Hải L. Ngày 11/5/2023, Liên đoàn luật sư Việt Nam có Công văn trả lời Cơ quan điều tra, xác định không có luật sư tên Hoàng Thị Linh, có luật sư tên Trần Thị Hải L, đang công tác tại Văn phòng Luật sư Vinh Diện đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An.

Quá trình điều tra chị Trần Thị Hải L khai không quen biết với M và Vũ, không được cử đến công tác tại huyện Lục Ngạn, không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho M; hình ảnh của chị khi ngồi tư vấn pháp luật cho nhân dân tại xã Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An được Văn phòng luật sư Vinh Diện đăng tải trên mạng xã hội facebook. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với chị Trần Thị Hải L.

Đối với anh Đoàn Tăng V, bà Đỗ Thị Th, chị Đoàn Thị Tr, quá trình điều tra xác định khi cung cấp cho M các giấy tờ cá nhân để làm thủ tục sang tên GCNQSD đất đều không biết việc M sử dụng để làm GCNQSD đất giả nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Đoàn Tăng V, bà Đỗ Thị Th, chị Đoàn Thị Tr là có căn cứ.

Đối với người phụ nữ mà Trịnh Thị M đã thuê làm giả GCNQSD đất, quá trình điều tra M khai không biết tên tuổi, địa chỉ của người này, khi M gặp người phụ nữ để giao dịch việc làm giả GCNQSD đất thì người này luôn mặc áo chống nắng, đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm nên M không biết là ai nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Quá trình điều tra, xác định khoảng đầu năm 2010, Trịnh Thị M có quan hệ tình dục với Vũ Đình Sáng, sinh năm 1986, trú tại thôn Thanh Sơn, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tại nhà của M ở thôn Ải, xã Đông Phú, huyện Lục Nam (lúc này M chưa đủ 16 tuổi). Ngày 31/3/2010, Trịnh Thị M và Vũ Đình Sáng đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Phú. Ngày 03/11/2010, Trịnh Thị M sinh cháu Vũ Trịnh Uyên Nhi là con chung của M với anh Sáng. Ngày 26/4/2019, Trịnh Thị M và Vũ Đình Sáng ly hôn. Xét thấy hành vi của Vũ Đình Sáng có dấu hiệu của tội "Giao cấu với trẻ em" quy định tại Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 14/5/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn chuyển nguồn tin nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam để giải quyết theo thẩm quyền.

*Về vật chứng của vụ án: Ngày 08/5/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bà Đỗ Thị Th 01(một) GCNQSD đất số S716139 mang tên hộ ông Đoàn Tăng T; đối với 01 GCNQSD đất giả có số seri S716139 mang tên hộ ông Đoàn Tăng V; 01 điện thoại di động Realme màu xanh chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trịnh Thị M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Cáo trạng số: 75/CT-VKS - LNg ngày 04/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo Trịnh Thị M về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Trịnh Thị M khai: Viện kiểm sát truy tố đúng hành vi bị cáo đã thực hiện. Bị cáo làm giả GCNQSD đất để sử dụng đi vay vốn Ngân hàng. Bị cáo một mình liên hệ và cung cấp các giấy tờ để làm giả, không ai biết và liên quan đến việc này. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đã được HĐXX công bố lời khai. Bị cáo không có ý kiến gì.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Thị M từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trịnh Thị M cho Uỷ ban nhân dân xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trịnh Thị M 5.000.000 (năm triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có số seri S716139 mang tên hộ ông Đoàn Tăng V; tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Realme màu xanh của bị cáo Trịnh Thị M.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trịnh Thị M phải chịu 200.000 đòng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Trịnh Thị M không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất để có cơ hội sửa chữa sai lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 10/2022, Trịnh Thị M đã có hành vi làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri S716139, mang tên hộ ông Đoàn Tăng V, mục đích sử dụng để thế chấp vay vốn Ngân hàng. Ngày 08/12/2022, Trịnh Thị M mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên đến Uỷ ban nhân dân xã Phượng Sơn để xin xác nhận tình trạng thửa đất thì bị Ủy ban nhân dân xã Phượng Sơn phát hiện, thu giữ và trình báo Công an huyện Lục Ngạn.

Bị cáo Trịnh Thị M là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi làm giả giấy tờ tài liệu của cơ quan tổ chức là trái quy định pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đã căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, lời khai của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Do vậy, Hội

đồng xét xử xét thấy bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý hành chính của Nhà nước được pháp luật bảo vệ và hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính. Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức pháp luật dù biết việc làm giả và sử dụng giấy tờ, tài liệu giả là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ bị cáo là người rất coi thường pháp luật nên cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cho thấy:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo thực sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận; hành vi của bị cáo bị phát hiện, ngăn chặn kịp thời nên thực tế chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng. Xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù bị cáo vẫn có khả năng tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo (được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy bị cáo Trịnh Thị M có đủ điều kiện được hưởng án treo và chỉ cần cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội. Đề nghị của Viện kiểm sát

về việc cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Đối với tội phạm này ngoài hình phạt chính bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để nộp ngân sách Nhà nước. Mục đích bị cáo làm GCNQSD đất giả để vay vốn nhằm trục lợi cá nhân nên cần áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo chưa thu được lợi bất chính nên chỉ cần áp dụng mức phạt tiền khởi điểm đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có số seri S716139 mang tên hộ ông Đoàn Tăng V cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 điện thoại di động Realme màu xanh tạm giữ của bị cáo Trịnh Thị M là phương tiện bị cáo sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về các nội dung khác:

Đối với chị Trần Thị Hải L, anh Đoàn Tăng V, bà Đỗ Thị Th, chị Đoàn Thị Tr: Quá trình điều tra không có căn cứ chứng minh những người này liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với họ là có căn cứ.

Đối với người phụ nữ bị cáo M đã thuê làm giả GCNQSD đất, quá trình điều tra không xác định được thông tin lý lịch của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Quá trình điều tra vụ án, xác định khoảng đầu năm 2010, Trịnh Thị M có quan hệ tình dục với Vũ Đình Sáng, sinh năm 1986, trú tại thôn Thanh Sơn, xã Đông Phú, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tại nhà của M ở thôn Ải, xã Đông Phú, huyện Lục Nam (lúc này M chưa đủ 16 tuổi). Xét thấy hành vi của Vũ Đình Sáng có dấu hiệu của tội "Giao cấu với trẻ em" quy định tại Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 14/5/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn chuyển nguồn tin nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam để giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trịnh Thị M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị M 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/7/2023).

Giao bị cáo Trịnh Thị M cho Uỷ ban nhân dân xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách của án treo, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trịnh Thị M 5.000.000 (năm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có số seri S716139 mang tên hộ ông Đoàn Tăng V.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Realme màu xanh của bị cáo Trịnh Thị M.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Phượng Sơn;
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Văn phòng và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Sâm